

Về kinh tế, xã hội vùng Tây Nam bộ từ thế kỷ I đến thế kỷ VII trong các tư liệu tại Thư viện Khoa học xã hội

Trương Thị Thu Trang^(*)

Tóm tắt: Tây Nam bộ là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển đặc biệt. Vùng đất này cũng có vai trò và đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước, giữ vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Việt Nam. Tư liệu lịch sử cho thấy, miền Tây Nam bộ từ những thế kỷ đầu Công nguyên đã đạt được một số thành tựu quan trọng về các mặt sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng như về tổ chức đời sống xã hội. Bài viết khái lược về vùng đất Tây Nam bộ và bước đầu khảo cứu một số vấn đề kinh tế, xã hội nổi bật ở vùng đất này từ thế kỷ I đến thế kỷ VII qua các tư liệu có tại Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Từ khóa: Tây Nam bộ, Văn hóa Óc Eo, Vương quốc Phù Nam, Kinh tế, Xã hội

Abstract: The Southwest region of Vietnam has a special history of formation and development. This land also plays a major role in the development of the country, holding an important strategic position in its economy, politics, culture, defense, security and foreign affairs. Historical materials reveals that the region has had a critical success in agricultural production, handicrafts and commerce as well as social life organization since the early centuries B.C. This paper presents an overview of the Southwest region and initial research on its striking socio-economic issues from the 1st to 7th centuries in the documents available at the Library of Social Sciences, Institute of Social Sciences Information, Vietnam Academy of Social Sciences.

Key words: The Southwest Region, Oc Eo Culture, Phù Nam Kingdom, Economy, Society

1. Khái lược về Tây Nam bộ thế kỷ I đến thế kỷ VII

Tây Nam bộ nằm về phía Tây Nam của Việt Nam, được tạo thành chủ yếu do phù sa của sông Cửu Long nên còn gọi là

đồng bằng sông Cửu Long hay đồng bằng Nam bộ. Vùng Tây Nam bộ gồm 13 tỉnh và thành phố: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang. Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Tây Nam bộ có diện tích 40.816,3 km² và dân số trên 17 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2016: 78).

^(*) TS. Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: truongthutrangissi@yahoo.com

Theo các nghiên cứu về khảo cổ và lịch sử, từ thế kỷ I, vùng đất này xuất hiện nền văn minh Óc Eo với sự hình thành và phát triển của vương quốc Phù Nam. Tên gọi của nền văn hóa Óc Eo do nhà khảo cổ học người Pháp Louis Malleret đặt sau cuộc khai quật vào tháng 4/1944 ở cánh đồng Óc Eo (Thoại Sơn - An Giang) (Nguyễn Thị Song Thương, 2015: 3). Theo nhà sử học Phan Huy Lê (2011: 215), “niên đại của văn hóa Óc Eo được các nhà khảo cổ thống nhất là từ thế kỷ I đến thế kỷ IX. Trong khi đó, dựa vào sử liệu và cả khảo cổ học, giới sử học công nhận sự tồn tại một quốc gia, đế chế Phù Nam từ thế kỷ II đến đầu thế kỷ VII”.

Các nghiên cứu về văn hóa Óc Eo cho thấy, nền văn hóa này phân bố rất trù mật trên địa bàn các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và nhiều địa điểm khác thuộc đồng bằng Nam bộ hiện nay. Hơn thế, các nhà khoa học đã phát hiện nhiều chứng tích của giai đoạn văn hóa tiền Óc Eo trên đất Nam bộ. Những điều đó chứng tỏ đây là một nền văn hóa có nguồn gốc bản địa mà trung tâm là vùng đất Nam bộ và có quan hệ giao lưu rộng rãi với thế giới bên ngoài. Bên cạnh quan hệ thường xuyên với các vùng lân cận, dấu tích vật chất cho thấy Óc Eo có sự liên kết khá mật thiết với Trung Quốc, Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải (Võ Sĩ Khải, 2008; Phan Huy Lê, 2011: 217; Vũ Minh Giang, 2014).

2. Các vấn đề kinh tế chủ yếu ở Tây Nam bộ từ thế kỷ I đến thế kỷ VII

Ở giai đoạn hậu kỳ thời đại đá mới - sơ kỳ đồ đồng, cư dân vùng Tây Nam bộ đã tạo dựng nên một nền văn hóa phát triển dựa trên nền tảng nghề trồng lúa nước. Thông qua những di vật phát hiện được, có thể thấy, các ngành nông nghiệp, thủ công

nghiệp, thương nghiệp thời kỳ này đã rất phát triển.

Về *nông nghiệp*, Vũ Minh Giang (2014), Võ Sĩ Khải (1997), Phan Huy Lê (2011: 225) cho rằng, vương quốc Phù Nam được hình thành từ những vùng đất phù sa phì nhiêu dọc các con sông lớn và các giồng cát ven biển, địa hình tương đối bằng phẳng, chịu ảnh hưởng của gió mùa nhiệt đới, với 6 tháng mùa mưa và 6 tháng mùa khô. Đây cũng là vùng có quần thể động thực vật phong phú. Điều kiện sống cùng môi trường sinh thái đó đã tạo thuận lợi cho nông nghiệp phát triển, với các ngành nghề: trồng lúa, trồng cây ăn củ, cây ăn quả và cả chăn nuôi, săn bắt, đánh cá... Georges Coedès (1943: 1-8), Louis Malleret (1959-1963), Võ Sĩ Khải (1997), nhận định rằng cảng thị Óc Eo đã hình thành từ một xã hội nông nghiệp lúa nước, thuộc dạng trồng lúa đầm lầy với một hệ thống kênh đào hỗ trợ cho việc tưới tiêu, cư dân Óc Eo đã biết cấy các loại lúa và khai thác các loại lúa trời (giống lúa mọc tự nhiên, hoang dã, không cần trồng trọt). Đồng thời, “nền kinh tế nông nghiệp của cư dân Óc Eo đã thoát khỏi tình trạng tự phát, đã có tính cộng đồng, có tổ chức quy mô rộng lớn trên toàn miền Tây Nam bộ vào những thế kỷ đầu Công nguyên” (Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh^(*) - Trung tâm nghiên cứu khảo cổ học, 2004: 394-395). Điều này cũng được Louis Malleret (1959-1963), Phan Thanh Toàn, Huỳnh Kim Bảng, Lâm Thành Trung (2013) chứng minh qua việc tìm thấy trong tầng văn hóa khảo cổ, trên đồ gốm, gạch có rất nhiều dấu tích của vỏ trấu, lúa và cả hạt gạo trong các di tích thuộc văn hóa Óc Eo khắp các tỉnh miền Tây Nam bộ

(*) Nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

cả vùng cao lẫn vùng thấp như di tích Giồng Cát, Óc Eo (Ba Thê), Gò Tháp, Nền Chùa (Kiên Giang)... Do đó, có thể khẳng định, thời kỳ này, lúa gạo đã trở thành nguồn lương thực chính để nuôi sống con người nơi đây. Tác giả Nguyễn Hữu Hiếu (2010: 239) còn nhận định, nghề trồng lúa không chỉ tác động mạnh đến đời sống vật chất, mà còn tác động đến đời sống tinh thần của cư dân Óc Eo.

Bổ sung cho nhận định của Nguyễn Hữu Hiếu (2010), các tác giả Đào Linh Côn, Lê Xuân Diệm (2009) cho rằng, các loại cây trồng khác ở vùng Tây Nam bộ thời kỳ này cũng rất phong phú, đa dạng, bao gồm: các giống cây dừa, cau, măng cầu xiêm, cam, quýt, bòn bon, dâu da, vùng, thốt nốt, xoài, chuối, hoa sen, hoa súng, hoa atisô, hoa cúc, hoa trang, hoa cẩm chướng... Những loại cây trồng này không chỉ có tác dụng bổ sung nguồn năng lượng cho đời sống vật chất của xã hội, có thể được dùng để cung tiến vua hay để buôn bán, mà chúng còn được cư dân Óc Eo “dùng làm vật phẩm trong việc cúng tế các thần linh”.

Tác giả Louis Malleret (1959-1963) nhận định, trồng lúa và các loại rau, củ của cư dân Óc Eo là nhằm cố gắng đảm bảo nhu cầu lương thực. Về thực phẩm, do cư dân sống chủ yếu trên sông nước, ven biển nên việc đánh bắt các loại thủy, hải sản là hoạt động kinh tế không thể thiếu.

Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990: 127) cho rằng, bên cạnh nghề trồng lúa đã phát triển, cư dân Óc Eo còn biết săn bắt, hái lượm và chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm. Họ nuôi các loại gia súc, gia cầm không chỉ để bổ sung nguồn thực phẩm cho cuộc sống, mà còn dùng vào nhiều mục đích khác nhau như: nuôi gà, nuôi heo để “chơi chơi gà,

chơi heo”; nuôi cá sấu, thú dữ để dùng vào việc xét xử tội phạm; nuôi voi dùng làm phương tiện phục vụ cho việc đi lại, chiến tranh, có khi còn được dùng làm vật cống phẩm.

Về thủ công nghiệp, những di vật như các công cụ sản xuất, các loại sản phẩm, đồ trang sức... tìm thấy được trong các đợt khảo cổ qua các thời kỳ là những chứng cứ để các nhà nghiên cứu thuộc Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu khảo cổ học (2004) khẳng định, trong thời đại Óc Eo, các ngành nghề thủ công đã rất đa dạng, phong phú như: nghề làm gốm, làm gạch, dệt, mộc, điêu khắc tạc tượng, luyện kim, kim hoàn, chế biến thủy tinh...

Tác giả Võ Sĩ Khải (1997: 343-344), George Coedè (1947: 193-199) cũng nhận định rằng, các nghệ nhân ở Óc Eo có tay nghề rất cao, có thể nói đã đạt đến trình độ tinh xảo. Bằng chứng là những vật dụng trong sinh hoạt thường ngày và trong sản xuất hay những đồ trang sức được các nghệ nhân trang trí bằng nhiều đề tài hoa văn từ đơn giản đến tinh vi.

Các tác giả thuộc Viện Khảo cổ học (2005: 823) cũng chỉ ra rằng, ngay từ đầu Công nguyên, vùng Đồng Tháp Mười đã có một cụm di tích xưởng chế tác hạt chuỗi và đồ kim hoàn có mối quan hệ gần với di chỉ Óc Eo (An Giang), Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ (Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh).

Tác giả Nguyễn Quốc Mạnh (2009) còn chỉ rõ rằng, các loại hình đồ gốm rất tinh xảo, đa dạng, phong phú về chủng loại cũng như công dụng, được thể hiện qua các hiện vật: bình, nôi, chậu có quai cầm, bát bông, bát, tô nhỏ, nắp đậy, ly cốc, chum nhỏ, chai gốm, cà rang, khuôn làm gốm...

Cùng với nông nghiệp, *thương nghiệp* cũng phát triển rực rỡ trong xã hội Óc Eo.

Tại đây, những trung tâm thương mại mang tầm cỡ quốc tế đã xuất hiện. Qua nguồn tư liệu khảo cổ học, thư tịch cổ Trung Quốc như: sách Tù thư, quyển 82, Liệt truyện 47, tờ 5; Tân Đường thư, quyển 222 hạ, Liệt truyện 147 hạ, tờ 3;... (Dẫn theo Vũ Minh Giang, 2014: 20) cho thấy, vương quốc Phù Nam không chỉ giao thương, phát triển nền thương nghiệp trong nội địa mà còn có sự giao lưu, buôn bán rộng rãi với thế giới bên ngoài từ rất sớm, khoảng thế kỷ I - II. Các nhà khảo cổ học đã khai quật và thu nhặt được rất nhiều các loại di vật có nguồn gốc ngoại nhập trong các di tích văn hóa Óc Eo được đưa đến từ nhiều quốc gia khác nhau như: nhẫn vàng chạm hình bò thần (mandin), ngọc chạm hình phụ nữ tế thần lửa (Ấn Độ); huy chương vàng chạm hình vua Antonin le Pieux (năm 152), đồng tiền vàng chạm hình Maac Aurèle, viên ngọc mã não chạm hình chuột kéo xe có gà ngồi trên... (La Mã); mảnh gương đồng thời Hậu Hán (năm 25-220), tượng Phật bằng đồng thời Ngụy (năm 386-557). Căn cứ vào đó, Cao Xuân Phổ (1984: 232) khẳng định rằng, thời kỳ này, chắc chắn cư dân Óc Eo đã có quan hệ giao thương với các nước như Ấn Độ, Trung Quốc và một số nước phương Tây. Tác giả Lương Ninh (2011: 39-42) cũng lấy dẫn chứng từ thư tịch cổ Trung Quốc nói đến diện mạo thương mại của vùng đất Óc Eo là: “sản xuất vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, mộc hương, ngà voi, chim công lông biếc, anh vũ năm sắc... buôn bán, trao đổi lấy vàng, bạc, tơ, lụa trắng và màu”. Từ đó, tác giả khẳng định, chính những thương nhân này đã tạo điều kiện cho nền thương mại Óc Eo đặc biệt phát triển, trở thành một cảng thị quốc tế trong những thế kỷ đầu Công nguyên.

Về giao thông, các tác giả Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh - Ủy ban

nhân dân tỉnh An Giang (1984) nhận định, cư dân Óc Eo đi lại bằng cả đường thủy (đường biển, đường sông và các kênh đào) lẫn đường bộ (sử dụng các loài voi, ngựa và có thể cả trâu bò). Các tác giả lập luận rằng, di chỉ khảo cổ học thuộc văn hóa Óc Eo cũng phần lớn được phân bố ở các điểm tụ, đầu mối của những tuyến giao thông và được nối liền với nhau bằng những đường nước cổ tạo thành một hệ thống đường thủy rộng lớn trên phần châu thổ phía Nam sông Hậu. Điều đó cho thấy, giao thông đường sông và đường biển trong thời đại Óc Eo khá phát triển và đóng vai trò thiết yếu trong việc giao lưu văn hóa, kinh tế giữa các vùng trong khu vực với nhau. Ngoài ra, Đặng Ngọc Khánh (2011: 340) cũng nhận định, hệ thống sông Đồng Nai, sông Cửu Long và các kênh rạch chằng chịt tạo thành một mạng lưới giao thông bằng đường thủy liên kết các vùng lại với nhau, làm cho việc giao thương buôn bán lúc bấy giờ dễ dàng hơn.

Đối với phương tiện giao thông, các tác giả thuộc Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ^(*) (2011) cho rằng, cư dân Óc Eo đã thiết kế nhiều con tàu có thể di chuyển trên chính những dòng kênh đó. Phan Thanh Toàn, Huỳnh Kim Bảng, Lâm Thành Trung (2013: 706-708) cũng đồng tình với ý kiến trên khi chỉ ra rằng, ba di chỉ văn hóa Óc Eo đã tìm thấy dấu tích thuyền gỗ là Xoa Áo (huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang); Giàn Gừa (huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang) và xã Nhơn Nghĩa (huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ). Tại đây, các nhà khảo cổ đã phát hiện phần mũi thuyền gỗ, đầu mũi thuyền có xích và neo sắt, trong thuyền tìm thấy khá nhiều gốm Óc Eo và tiền Óc Eo. Như vậy, có thể nói, nghề đóng

(*) Nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

thuyền phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, giao thông, trao đổi giữa các vùng nội địa và thế giới bên ngoài, làm các hoạt động kinh tế của cư dân Óc Eo càng thêm phong phú.

3. Các vấn đề xã hội chủ yếu ở Tây Nam bộ từ thế kỷ I đến thế kỷ VII

Về tôn giáo, tín ngưỡng, những di vật như tượng thờ và các bản văn minh thu thập được trong di tích văn hóa Óc Eo cho thấy, thời kỳ này, tín ngưỡng, tôn giáo đã phát triển mạnh mẽ và chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống của người dân nơi đây. Tác giả Lê Thị Liên (2006: 208), Nguyễn Thị Song Thương (2015: 116) chứng minh điều này qua các tư liệu khảo cổ đã phát hiện, trong đó có nhiều hình mặt trời, mặt trăng, nước, lửa, cây cỏ, động vật... được vẽ trên các mảnh vàng đặt trong lòng các tháp (Đặng Văn Thắng, 2013: 58-62; Phan Thanh Toàn, Huỳnh Kim Bảng, Lâm Thành Trung, 2013: 706-708). Nghĩa là, ngoài việc có liên quan đến các tôn giáo mới được du nhập, các hình vẽ cũng phản ánh bóng dáng tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của cư dân bản địa. Lê Thị Liên (2006: 208), Nguyễn Duy Hình (1999: 162-164) còn khẳng định, ngoài những tín ngưỡng bản địa phổ biến ở Đông Nam Á như tín ngưỡng phồn thực, sùng bái tự nhiên... thì Hindu giáo và Phật giáo là hai tôn giáo du nhập vào vùng đất này khá sớm, đã được các tầng lớp cư dân vùng Tây Nam bộ tiếp nhận, tin tưởng và tôn thờ.

Trên cơ sở khảo cứu tư liệu của Lê Thị Liên (2006: 195, 208), Đào Linh Côn (1995: 132-133), tác giả Nguyễn Thị Song Thương (2015: 128-129) rút ra nhận định, thời kỳ văn hóa Óc Eo, Phật giáo đã có mặt ở nhiều nơi khắp các tỉnh miền Tây Nam bộ. Tác giả Lê Thị Liên (2006: 208) cho rằng, theo thống kê chưa đầy đủ, có khoảng

65 tượng Phật giáo (tượng Phật và tượng Bồ Tát) được tìm thấy với các kiểu dáng, chất liệu khác nhau, trong đó tượng Phật bằng gỗ được tìm thấy nhiều nhất và xuất hiện khá sớm so với các loại tượng khác (cả Phật giáo và Hindu giáo). Tượng Phật bằng gỗ tìm thấy chủ yếu trong các di tích Óc Eo ở vùng đồng bằng thấp miền Tây sông Hậu và vùng trũng Đồng Tháp Mười. Các pho tượng phát hiện ở Óc Eo (An Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp) và Mỹ Thạnh Đông (Long An) được giám định là có niên đại sớm nhất, khoảng thế kỷ II - IV sau Công nguyên (Lê Thị Liên, 2006: 208).

Nguyễn Duy Hình (1999: 162-164) cũng đề cập đến mối quan hệ bang giao giữa Phù Nam và Trung Quốc. Ông lập luận rằng, mối quan hệ này đã được nhiều thư tịch cổ Trung Quốc nhắc đến, đặc biệt trong *Lương thư* từng nhắc đến chuyến thăm Trung Quốc của hai nhà sư Phù Nam, đánh dấu mối quan hệ giữa hai vương quốc: “Năm 503, theo lời mời của triều đình nhà Lương, vua Phù Nam đã lần lượt phái hai nhà sư là Sanghapala (Tăng Già Bà La) và Mandra (Man Đà La) mang kinh Phật từ Phù Nam sang Trung Hoa dịch. Với việc các kinh do hai nhà sư dịch đều được mang từ Phù Nam sang, Nguyễn Thị Song Thương (2015: 129) nhận định, trước đó ở Phù Nam, những bộ kinh này đã được người Phù Nam học tập, phổ biến. Phật giáo Phù Nam (cả Đại thừa và Tiểu thừa) vào khoảng thế kỷ IV - V đã rất phát triển, nó được truyền trực tiếp từ Ấn Độ sang, chứ không chỉ được truyền bá từ phía Bắc. Điều này cho thấy, thời kỳ này (thế kỷ IV - VI), Phật giáo ở đây phát triển rực rỡ.

Về phong tục tập quán, một số nhà nghiên cứu cho rằng, vương quốc Phù Nam nằm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, đối với cư dân nơi đây, tục lệ ma chay rất

quan trọng trong đời sống của họ (Xem: Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh^(*), 1997: 332). Theo *Lương thư*, “tục chôn cất người chết ở Phù Nam có 4 cách: thủy táng (thả thi thể xuống sông), hỏa táng (thiêu xác), địa táng (chôn thi hài), điều táng (để thi thể ngoài trời cho chim rĩa xác)” (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh 1997: 332).

Về ngôn ngữ, Vũ Minh Giang (2014: 17) dẫn một chi tiết quan trọng trong sách *Lương thư*, theo đó, có một nước trong biển cả tên là Tì Kiển, cách Phù Nam đến 8.000 dặm, lại có ngôn ngữ không khác nhiều so với Phù Nam. Tì Kiển là tên gọi trong thư tịch cổ Trung Hoa của địa danh Pekan, một vùng nằm ở Đông Nam bán đảo Mã Lai. Vũ Minh Giang (2014) cho rằng, theo nhận xét của các tác giả *Lương thư*, tiếng nói phổ biến của cư dân Phù Nam giống với tiếng của người Mã Lai. Điều này có nghĩa, xét về mặt ngôn ngữ, đây là thứ tiếng khác hẳn với các cư dân nói tiếng Nam Á ở vùng Đông Nam Á lục địa.

Về chữ viết, theo Thái Văn Chải (2009: 39), Đào Linh Côn, Lê Xuân Diệm (2009: 382), Phù Nam sử dụng chữ Phạn (Sanskrit) có nguồn gốc từ bộ chữ cái của người Pa-la-va (Ấn Độ). Mẫu tự Brahmi gồm có 6 nguyên âm và 30 phụ âm. Cư dân Óc Eo những thế kỷ đầu Công nguyên đã tiếp nhận chữ viết từ Ấn Độ và dần xây dựng nên một hệ thống chữ viết để ghi lại tiếng nói của mình. Chữ Brahmi với ngôn ngữ Sanskrit là ngôn ngữ chính thức trong vương quốc Phù Nam. Cư dân nơi đây sử dụng ngôn

ngữ Sanskrit để chạm khắc những chỉ dụ trên bia đá, trên khung cửa của những ngôi đền, trên kim khí bằng sắt, đồng, vàng, hoặc trên những miếng đất nung...

Về giải trí, theo Nguyễn Thị Song Thương (2015: 147), vương quốc Phù Nam được đánh giá là một vương quốc phát triển mạnh mẽ thời bấy giờ. Cư dân phồn thịnh, sung túc, các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đều phát triển ở mức cao. Nhu cầu của người dân lúc này không chỉ là cái ăn, cái mặc mà còn xuất hiện một số trò chơi, giải trí khác nhau. Âm nhạc là một môn nghệ thuật, cũng là một hình thức giải trí của tầng lớp thượng lưu trong xã hội. Chỉ khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định thì loại hình giải trí này mới ra đời, nó được xem là một loại hình nghệ thuật đặc sắc trong đời sống của cư dân nơi đây. Hát múa cũng được xem là một loại hình giải trí, nhưng chủ yếu chỉ dành cho tầng lớp quý tộc, sử dụng trong triều đình và để dâng lên các vị thần linh. Theo *Nam Tề Thư*, người Óc Eo rất thích chơi gà, đấu lợn. Họ nuôi rất nhiều lợn, gà để chọn những con khỏe mạnh nhất đem thi đấu (Nguyễn Hữu Tâm, 2004: 271). Tác giả Nguyễn Thị Song Thương (2015: 148) nhận định, trẻ con cũng có những trò chơi riêng của mình như chơi “đồ hàng”. Điều này được thể hiện qua việc phát hiện trong các di tích khảo cổ học một số chén bát rất nhỏ.

4. Kết luận

Nói tóm lại, với vị trí địa lý đặc biệt, vùng Tây Nam bộ giai đoạn thế kỷ I đến thế kỷ VII có vai trò rất quan trọng trong mạng lưới thương mại trên biển những năm đầu Công nguyên. Tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, khí hậu và nguồn tài nguyên, cư dân Óc Eo đã có điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công, thương nghiệp; giao lưu, tiếp biến những tinh hoa văn hóa của

(*) Nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ.

thế giới bên ngoài, đưa nền thương nghiệp phát triển rực rỡ, làm cho đời sống vật chất và tinh thần người dân nơi đây phong phú, đa dạng hơn □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), *Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 127.
2. Thái Văn Chải (2009), *Nghiên cứu chữ viết cổ trên bia ký ở Đông Dương*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 39.
3. Đào Linh Côn, Lê Xuân Diệm (2009), *Giá trị văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam bộ*, Đề tài khoa học cấp bộ, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Vũ Minh Giang (2014), *Lược sử vùng đất Nam bộ - Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Georges Coedès (1943), *Quelques précisions sur la fin du Founan*, BEFEO Tome 43, tr. 1-8
6. George Coedè (1947), “Fouilles en Cochinchine, Le site de Go Oc Eo, ancient port du Royaume de Fou-nan” (Những nghiên cứu về khảo cổ ở khu vực Nam hay những phát hiện về khu vực của vương quốc Phù Nam), Tạp chí *Artibus Asiae*, Vol.10/1, 1947, tr. 193-199
7. Lê Thị Liên (2006), *Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Louis Malleret (1959-1963), *L'Archéologie du delta du Mékong - 3 ème partie. Volume II - La civilisation matérielle d'Oc - Eo*, École Française d'Extrême orient, Paris (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam dịch).
9. Nguyễn Duy Hình (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, tr. 162-164.
10. Nguyễn Hữu Hiếu (2010), *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, tr. 239.
11. Võ Sĩ Khải (1997), “Văn hóa Óc Eo - hai mươi năm nhìn lại”, trong: *Một số vấn đề Khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Võ Sĩ Khải (2008), “Văn hóa Óc Eo sáu mươi năm nhìn lại”, trong: *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944-2004), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
13. Đặng Ngọc Khánh (2011), “Lý thuyết của Jared Diamond về sự sụp đổ của các xã hội và trường hợp vương quốc Phù Nam”, trong: *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Phan Huy Lê (2011), *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ*, Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước.
15. Nguyễn Quốc Mạnh (2009), *Đồ Gốm Óc Eo trong di chỉ cư trú khu di tích Gò Tháp (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp)*, Luận văn thạc sĩ Sử học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.
16. Lương Ninh (2011), “Óc Eo - cảng thị quốc tế của vương quốc Phù Nam”, Tạp chí *Khảo cổ học* (03), tr. 39- 42.
17. Cao Xuân Phổ (1984), “Óc Eo trong sự phát triển thương mại ở Đông Nam Á”, trong: *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang.
18. Nguyễn Hữu Tâm (2004), “Khái quát về Phù Nam - Chân Lạp qua ghi chép của các thư tịch cổ Trung Quốc”, trong: *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù*

- Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944-2004), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
19. Đặng Văn Thắng (2013), “Óc Eo - Ba Thê trong vương quốc Phù Nam”, *Tạp chí Khảo cổ học* (03), tr. 58-62.
 20. Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám Thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
 21. Nguyễn Thị Song Thương (2015), *Đời sống văn hóa của cư dân Óc Eo ở Tây Nam bộ (Qua tư liệu khảo cổ học)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
 22. Phan Thanh Toàn, Huỳnh Kim Bảng, Lâm Thành Trung (2013), “Phát hiện di tích Óc Eo ở Hà Tiên (Kiên Giang)”, trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học 2013*, Hà Nội.
 23. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh (1997), *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 24. Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu khảo cổ học (2004), *Một số vấn đề khảo cổ học ở Miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 25. Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh - Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (1984), *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang.
 26. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khảo cổ học (2005), *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 27. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ (2011), *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

(tiếp theo trang 21)

8. Nguyễn Mai (2017), *Doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tham gia được nhiều vào chuỗi cung ứng của các nhà đầu tư nước ngoài*, <http://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/nha-dau-tu-nuoc-ngoai-manh-tay-rot-von-vao-nganh-dien-1726.html>.
9. Nguyễn Bích Ngọc (2017), “Kiểm định tác động lan tỏa từ FDI và các yếu tố tới xuất khẩu của các ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 246, tháng 12.
10. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2018), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2017*, <http://www.pcivietnam.org>.
11. Quốc hội Việt Nam, *Hiến pháp năm 2013; Luật Đầu tư năm 2014*.
12. Nguyễn Hồng Sơn (2017), *Phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Những rào cản và giải pháp khắc phục*, http://bcsi.edu.vn/upload/17912/20170601/3_Phát_trien_khu_vuc_kinh_te_tu_nhan_o_Viet_Nam23.pdf.
13. Tổng cục Thống kê (2018), *Số liệu về Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế*, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=715>.